

# ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH PHẢN TƯ VÀO GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Nguyệt<sup>1</sup>

Email: nguyet1976.htc@gmail.com; ORCID: 0009-0003-2035-130X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 16/02/2026

Ngày phản biện đánh giá: 17/04/2026

Ngày bài báo được duyệt đăng: 14/05/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1216

**Tóm tắt:** Tiếng Anh càng ngày càng trở thành môn học sống còn cho học sinh, sinh viên và cả người đi làm trong bối cảnh trong nước tiếng Anh được Bộ Chính trị yêu cầu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thông qua Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Vì vậy việc giảng dạy tiếng Anh với đội ngũ giảng viên cho sinh viên đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn bao giờ hết, liên tục thay đổi, liên tục đưa ra những phương pháp dạy hiệu quả nhằm đem lại những tiến bộ cho sinh viên. Phương pháp Reflective practice là một phương pháp dành cho giảng viên có nhiều nổi bật về hiệu quả khi nó được áp dụng, giảng viên sẽ là chủ thể thực hiện. Thực hành phản tư (Reflective practice) là phương pháp giúp giảng viên tự đánh giá và cải thiện hoạt động giảng dạy thông qua việc suy ngẫm về bài học, phương pháp và kết quả học tập. Nhờ đó, giảng viên nâng cao năng lực chuyên môn, điều chỉnh cách dạy phù hợp và tăng hiệu quả học tập cho sinh viên. Nghiên cứu này được thực hiện thông qua việc sử dụng bảng hỏi thông qua thang đo Likert, áp dụng việc quan sát lớp học, quay lại video, viết nhật ký phản tư... Kết quả cho thấy rằng việc vận dụng phương pháp này sẽ có thể thành công từ lợi thế về đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm lâu năm trong trường Đại học Mở Hà Nội.

**Từ khóa:** thực hành phản tư, giảng viên, sinh viên, thang đo Likert, tiếng Anh

## I. Giới thiệu

Tiếng Anh ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong bối cảnh hội nhập quốc tế, góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tri thức và năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực. Vì vậy, việc nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh

tại các trường đại học ở Việt Nam là yêu cầu tất yếu. Là một cơ sở giáo dục có uy tín, Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU) chú trọng đào tạo năng lực ngoại ngữ cho sinh viên, trong đó tiếng Anh giữ vai trò quan trọng. Những năm gần đây, các phương pháp giảng dạy hiện đại như

<sup>1</sup> Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

giao tiếp, học tập tích cực và học theo nhiệm vụ đã được áp dụng, tuy nhiên hiệu quả chỉ đạt được khi đi kèm với việc phát triển năng lực giảng viên. Trong bối cảnh đó, Reflective Practice (thực hành phản tư) được xem là phương pháp hỗ trợ phát triển nghề nghiệp giáo viên thông qua quá trình suy ngẫm và đánh giá hoạt động giảng dạy. Dựa trên nền tảng lý thuyết của Reflective Practice bắt nguồn từ tư tưởng về thực hành phản tư (reflective thinking) của John Dewey (1933), trong đó ông nhấn mạnh vai trò của suy ngẫm có hệ thống trong quá trình học tập từ kinh nghiệm. Khái niệm này sau đó được Donald Schön (1983) đề xuất hai hình thức phản tư là phản tư trong hành động (reflection-in-action) và phản tư sau hành động (reflection-on-action), góp phần định hình mô hình phát triển năng lực nghề nghiệp của giáo viên Reflective Practice giúp giảng viên cải thiện phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy và tăng sự tham gia của sinh viên. Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này tại Việt Nam vẫn còn hạn chế. Vì vậy, nghiên cứu tập trung phân tích việc triển khai Reflective Practice trong giảng dạy tiếng Anh tại HOU, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng.

## II. Lịch sử nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

### 2.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

#### 2.1.1. Lịch sử nghiên cứu trên thế giới

Khái niệm Reflective Practice được đề cập lần đầu trong công trình vào năm 1933 với tiêu đề *How We Think* bởi John Dewey được xem là một trong

những học giả đầu tiên nhấn mạnh vai trò của tư duy phản tư trong quá trình học tập và phát triển nghề nghiệp. Ông định nghĩa phản tư là quá trình suy nghĩ một cách chủ động, liên tục và thận trọng về một niềm tin hoặc dạng kiến thức dựa trên các cơ sở và bằng chứng hỗ trợ cho nó. Theo Dewey, khi giáo viên dành thời gian xem xét lại những trải nghiệm giảng dạy của mình, họ có thể hiểu rõ hơn các quyết định sư phạm đã thực hiện trong lớp học cũng như những ảnh hưởng của các quyết định đó đối với người học. Ông cho rằng kinh nghiệm tự thân chưa đủ để tạo nên sự học tập có ý nghĩa; điều quan trọng là khả năng phân tích và đánh giá lại kinh nghiệm đó. Chính vì vậy, học tập hiệu quả không chỉ xuất phát từ trải nghiệm mà còn từ quá trình suy ngẫm về trải nghiệm. Những quan điểm của Dewey đã tạo nền tảng lý luận quan trọng cho các nghiên cứu sau này về giảng dạy phản tư và sự phát triển chuyên môn của giáo viên. Dựa trên nền tảng tư tưởng của Dewey, Donald Schon (1983) theo Schön, các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp, bao gồm giáo dục, thường nâng cao năng lực của mình thông qua việc xem xét và suy nghĩ lại về những hành động đã thực hiện trong quá trình làm việc. Ông đã đưa ra hai khái niệm quan trọng là reflection-in-action và reflection-on-action. Trong đó, reflection-in-action đề cập đến việc giáo viên suy nghĩ và điều chỉnh hoạt động giảng dạy ngay trong khi bài học đang diễn ra, giúp họ thích ứng với các tình huống phát sinh trong lớp học. Ngoài ra,

Leo (1990) cho rằng reflective teaching giúp giáo viên nhận thức rõ hơn về các niềm tin, giả định và quan điểm cá nhân ảnh hưởng đến hoạt động giảng dạy. Ông đề xuất một chu trình phản tư gồm năm giai đoạn: mapping, informing, contesting, appraising và acting. Ở giai đoạn mapping, giáo viên mô tả và ghi chép lại hoạt động giảng dạy nhằm có cái nhìn toàn diện về thực tiễn lớp học.

### 2.1.2. Lịch sử nghiên cứu trong nước

Tại Việt Nam, nghiên cứu về Reflective Practice trong giảng dạy, đặc biệt là giảng dạy tiếng Anh, phát triển theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Một trong những công trình sớm đáng chú ý là của Lê và Nguyễn, (2010), nghiên cứu này tập trung vào mô hình Critical Friends Group, trong đó giáo viên cùng quan sát giờ dạy, trao đổi và phản hồi mang tính xây dựng nhằm cải thiện phương pháp giảng dạy. Kết quả cho thấy hình thức phản tư mang tính hợp tác này góp phần nâng cao hiệu quả giảng dạy và thúc đẩy sự phát triển nghề nghiệp của giáo viên.

Tiếp theo, các nghiên cứu trong nước bắt đầu nhấn mạnh vai trò của phản tư trong việc phát triển năng lực chuyên môn của giảng viên. Nguyễn, (2015) đã khẳng định rằng chiêm nghiệm giúp giảng viên phân tích và đánh giá lại hoạt động giảng dạy, từ đó thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết và thực tiễn. Trương, Huynh, (2018) cũng nhấn mạnh rằng phản tư giúp giảng viên nhận diện rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy học và điều chỉnh phương pháp phù hợp với người học.

Đến giai đoạn gần đây, nghiên cứu về Reflective Practice được mở rộng sang lĩnh vực đào tạo giáo viên và bản sắc nghề nghiệp. Lê & cộng sự, (2020) chỉ ra rằng các hoạt động phản tư giúp sinh viên sư phạm phát triển nhận thức về bản sắc nghề nghiệp, đồng thời nâng cao khả năng phân tích và xử lý các tình huống sư phạm

## 2.2. Cơ sở lý thuyết

### 2.2.1. Định nghĩa Reflective Practice

Reflective Practice, hay thực hành phản tư, là quá trình giáo viên tự quan sát và đánh giá bản thân một cách có hệ thống để cải thiện hiệu quả giảng dạy. Thực hành này không chỉ đơn thuần là suy nghĩ về những gì đã xảy ra trong lớp học, mà còn tập trung vào việc hiểu rõ nguyên nhân và cách cải thiện. Reflective Practice là yếu tố quan trọng trong việc phát triển chuyên môn liên tục (Continuing Professional Development - CPD) và giúp giáo viên trở nên tinh thông hơn.

### 2.2.2. Vai trò của Reflective Practice trong giảng dạy Tiếng Anh

*Vai trò của Reflective Practice đối với giảng viên:*

Góp phần nâng cao năng lực chuyên môn: Thực hành phản tư giúp giảng viên nhìn nhận một cách rõ ràng hơn về hiệu quả giảng dạy của mình, từ đó xác định được những điểm mạnh cần phát huy cũng như những hạn chế cần khắc phục. Khi thường xuyên xem xét lại các giờ dạy, giảng viên có thể điều chỉnh phương pháp, lựa chọn học liệu phù hợp hơn và tổ chức lớp học một cách khoa học. Chẳng hạn, nếu một buổi học kỹ năng nói không đạt

hiệu quả như mong muốn, giảng viên có thể phân tích lại nguyên nhân, như hoạt động chưa phù hợp với trình độ người học hoặc mức độ tương tác còn hạn chế. Từ đó, họ có cơ sở để thay đổi và cải thiện cho những buổi học tiếp theo.

Thúc đẩy sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy: Trong môi trường đại học, sự đa dạng về nhu cầu và năng lực của sinh viên đòi hỏi giảng viên phải linh hoạt trong cách tiếp cận. Reflective Practice tạo điều kiện để giảng viên thử nghiệm và điều chỉnh các phương pháp giảng dạy khác nhau, như học theo dự án, học hợp tác hoặc tích hợp công nghệ vào bài giảng. Thông qua quá trình tự đánh giá và rút kinh nghiệm, giảng viên có thể nhận định được phương pháp nào mang lại hiệu quả cao, từ đó từng bước đổi mới cách dạy một cách có định hướng và phù hợp với thực tiễn.

Phát triển tư duy phản biện và khả năng tự học của giảng viên: Không chỉ dừng lại ở việc cải thiện kỹ năng giảng dạy, Reflective Practice còn giúp giảng viên hình thành tư duy phản biện trong công việc. Họ có xu hướng đặt câu hỏi, phân tích và đánh giá các hoạt động giảng dạy một cách sâu sắc hơn. Nhờ đó, giảng viên không ngừng học hỏi và hoàn thiện bản thân, hướng tới việc trở thành những người học tập suốt đời, luôn chủ động cập nhật kiến thức và nâng cao năng lực nghề nghiệp.

*Vai trò của Reflective Practice đối với sinh viên:*

Tăng cường năng lực tự học: sinh viên cần đóng vai trò trung tâm trong quá trình học tập. Reflective Practice giúp họ

tự nhìn lại quá trình học của mình, nhận ra những điểm còn yếu và xây dựng kế hoạch cải thiện phù hợp. Ví dụ, sau khi thực hiện một bài nói, sinh viên có thể tự đánh giá về cách phát âm, độ chính xác ngữ pháp hay mức độ lưu loát, từ đó điều chỉnh để tiến bộ hơn trong những lần sau; Việc tham gia vào quá trình phản tư giúp sinh viên rèn luyện khả năng phân tích và đánh giá. Họ không chỉ tiếp nhận kiến thức một cách thụ động mà còn biết suy nghĩ sâu hơn về những gì đã học. Điều này đặc biệt quan trọng trong việc học ngoại ngữ, bởi nó giúp người học hiểu bản chất vấn đề và vận dụng kiến thức một cách linh hoạt thay vì chỉ ghi nhớ máy móc.

Tăng cường động lực học tập: Khi sinh viên nhận thấy sự tiến bộ của bản thân qua từng giai đoạn, họ sẽ có thêm động lực để tiếp tục cố gắng. Reflective Practice giúp người học xác định rõ mục tiêu và theo dõi quá trình đạt được mục tiêu đó, từ đó duy trì hứng thú học tập lâu dài.

*Vai trò trong việc cải thiện môi trường học tập:* Reflective Practice góp phần hình thành một môi trường học tập tích cực và mang tính tương tác cao, trong đó cả giảng viên và sinh viên đều tham gia vào quá trình cải thiện chất lượng dạy và học: Giảng viên chú trọng lắng nghe ý kiến phản hồi từ người học; Sinh viên được khuyến khích tham gia đánh giá hoạt động học tập; Hai bên cùng trao đổi và điều chỉnh để nâng cao hiệu quả.

Nhờ đó, lớp học trở thành một không gian hợp tác, nơi việc học không chỉ là tiếp thu kiến thức mà còn là quá trình phát triển liên tục và bền vững.

### 2.2.3. Lợi ích của Reflective Practice trong giảng dạy Tiếng Anh

*Thứ nhất, phát triển chuyên môn liên tục thông qua Reflective Practice:* Reflective Practice đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển chuyên môn lâu dài của giáo viên. Khác với các hình thức bồi dưỡng mang tính ngắn hạn, phương pháp này giúp giáo viên học hỏi trực tiếp từ chính trải nghiệm giảng dạy của mình. Thông qua việc suy ngẫm có hệ thống về các hoạt động như thiết kế bài học, tổ chức lớp học và đánh giá kết quả, giáo viên có thể nhận ra điểm mạnh và hạn chế của bản thân. Nhờ đó, họ chuyển từ việc giảng dạy theo thói quen sang giảng dạy có ý thức và định hướng rõ ràng. Bên cạnh đó, Reflective Practice còn giúp giáo viên phát triển năng lực tự học và tự điều chỉnh. Điều này đặc biệt cần thiết trong bối cảnh giáo dục đại học, nơi giảng viên phải liên tục cập nhật kiến thức và phương pháp giảng dạy. Khi nhận thấy sự tiến bộ của bản thân, giáo viên cũng trở nên tự tin hơn và nâng cao hiệu quả công việc.

*Thứ hai, thúc đẩy đổi mới và sáng tạo trong giảng dạy:* Reflective Practice góp phần duy trì sự đổi mới trong phương pháp giảng dạy. Nhu cầu học Tiếng Anh ngày càng lớn và độ tuổi ngày càng đa dạng, việc sử dụng một phương pháp cố định sẽ khó đạt hiệu quả cao. Nhờ quá trình phản tư, giáo viên có thể đánh giá lại cách dạy hiện tại và thử nghiệm các phương pháp mới như thảo luận nhóm, học theo dự án hoặc ứng dụng công nghệ. Đồng thời, họ cũng phân tích kết quả để điều chỉnh cho phù hợp hơn. Chu trình “thử nghiệm - phản tư - cải tiến” giúp giảng viên liên tục

đổi mới, tránh sự lặp lại và duy trì tính linh hoạt trong giảng dạy.

*Thứ ba, hướng đến người học:* Reflective Practice hỗ trợ việc chuyển đổi sang mô hình dạy học lấy người học làm trung tâm. Giảng viên không chỉ xem xét cách dạy của mình mà còn chú ý đến trải nghiệm học tập của sinh viên. Thông qua phản hồi và quan sát, giảng viên có thể hiểu rõ hơn về nhu cầu, trình độ và khó khăn của người học. Từ đó, họ điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy để phù hợp hơn. Điều này giúp nâng cao hiệu quả học tập và tạo ra môi trường học tích cực, nơi sinh viên cảm thấy được hỗ trợ.

*Thứ tư, phát triển kỹ năng phản tư cho người học:* Khi giảng viên thường xuyên thực hành phản tư, họ có thể hướng dẫn sinh viên áp dụng kỹ năng này vào học tập. Các hoạt động như viết nhật ký học tập, tự đánh giá hoặc phản hồi lẫn nhau giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về quá trình học của mình. Nhờ đó, sinh viên phát triển khả năng tự học, tư duy phản biện và tính chủ động.

*Thứ năm, nuôi dưỡng tinh thần học hỏi và sự khiêm tốn:* Reflective Practice giúp giảng viên nhìn nhận một cách khách quan về hoạt động giảng dạy của mình. Việc nhận ra cả thành công và hạn chế góp phần hình thành sự khiêm tốn trong nghề nghiệp. Đồng thời, giảng viên sẽ duy trì thái độ cởi mở, sẵn sàng học hỏi và cải thiện. Việc tham gia vào các cộng đồng chuyên môn cũng giúp họ trao đổi kinh nghiệm và phát triển năng lực. Tinh thần học hỏi liên tục này giúp giảng viên thích ứng tốt hơn với những thay đổi trong giáo dục hiện đại.

### III. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu là 30 giảng viên đang dạy Tiếng Anh tại các khoa trong trường Đại học Mở Hà Nội.

#### 3.2 Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp thu thập dữ liệu:*

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi (questionnaire) để khảo sát nhận thức và mức độ áp dụng phương pháp Reflective Practice. Cấu trúc bảng hỏi gồm 4 phần:

Phần 1: Thông tin cá nhân

Phần 2: Nhận thức về Reflective Practice

Phần 3: Tần suất và hình thức áp dụng

Phần 4: Đánh giá hiệu quả

Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert với mức độ từ 1-5 để thu thập dữ liệu định lượng về thái độ, sự hài lòng và tầm quan trọng của phương pháp Reflective Practice

Bảng 1: Bảng khảo sát với giảng viên về mức độ áp dụng phương pháp Reflective practice trong giảng dạy tiếng Anh

Câu hỏi	Thang đo	Tỷ lệ %	Điểm TB
Tôi thường xuyên tự đánh giá và suy ngẫm về các tiết dạy của mình.	Hoàn toàn không đồng ý	3%	3.87
	Không đồng ý	7%	
	Trung lập	20%	
	Đồng ý	40%	
	Hoàn toàn đồng ý	30%	
Reflective Practice giúp tôi cải thiện phương pháp giảng dạy.	Hoàn toàn không đồng ý	0%	4.13
	Không đồng ý	3%	
	Trung lập	17%	
	Đồng ý	43%	
	Hoàn toàn đồng ý	37%	
Tôi nhận thấy sinh viên tiến bộ hơn khi tôi áp dụng Reflective Practice.	Hoàn toàn không đồng ý	0%	3.77
	Không đồng ý	10%	
	Trung lập	27%	
	Đồng ý	40%	
	Hoàn toàn đồng ý	23%	

*Quan sát lớp học (Classroom Observation)*

Mục đích quan sát lớp học nhằm nghi nhận hành vi giảng dạy thực tế và đánh giá mức độ áp dụng với phương pháp Reflective Practice

*Nhật ký phản tư (Reflective Journals)*

Cấu trúc để viết nội dung nhật ký là: Mô tả bài giảng, viết về cái thành công, cái đạt được và chưa đạt được và lên kế hoạch cải thiện những cái chưa thành công.

### IV. Kết quả và thảo luận

#### 4.1. Kết quả khảo sát tại trường Đại học Mở Hà Nội

Kết quả khảo sát với giảng viên: Thông qua việc khảo sát với sự tham gia rất nhiệt tình của các giảng viên về nhận thức của họ về phương pháp Reflective practice, về mức độ áp dụng phương pháp Reflective practice trong giảng dạy tiếng Anh và việc khó khăn khi áp dụng Reflective practice cho ra được bảng khảo sát sau:

Câu hỏi	Thang đo	Tỷ lệ %	Điểm TB
Tôi gặp khó khăn khi áp dụng Reflective Practice trong giảng dạy	Hoàn toàn không đồng ý	20%	2.50
	Không đồng ý	37%	
	Trung lập	23%	
	Đồng ý	13%	
	Hoàn toàn đồng ý	7%	
Tôi sẵn sàng tiếp tục sử dụng Reflective Practice trong tương lai.	Hoàn toàn không đồng ý	0%	4.23
	Không đồng ý	3%	
	Trung lập	10%	
	Đồng ý	47%	
	Hoàn toàn đồng ý	40%	

Khảo sát được tiến hành với 30 giảng viên tiếng Anh thông qua bảng hỏi gồm 5 câu theo thang đo Likert (1-5). Nhìn chung, kết quả cho thấy giảng viên có xu hướng đánh giá tích cực đối với việc áp dụng Reflective Practice trong giảng dạy. Trước hết, phần lớn giảng viên cho biết họ thường xuyên nhìn lại và tự đánh giá các tiết dạy của mình, với điểm trung bình đạt 3.87. Điều này cho thấy hoạt động phản tư đã phần nào trở thành một thói quen trong quá trình giảng dạy. Về hiệu quả, Reflective Practice được đánh giá cao trong việc hỗ trợ cải thiện phương pháp giảng dạy (Mean = 4.13). Nhiều giảng viên cho rằng nhờ quá trình phản tư, họ có thể điều chỉnh cách dạy, lựa chọn nội dung phù hợp hơn và tổ chức lớp học hiệu quả hơn. Đối với người học, kết quả cũng cho thấy những ảnh hưởng tích cực (Mean = 3.77). Một số giảng viên nhận thấy sinh viên tham gia học tập tích cực hơn và có sự tiến bộ rõ rệt khi phương pháp này được áp dụng. Ở chiều ngược lại, mức độ khó khăn khi áp dụng phương pháp không cao (Mean = 2.50). Điều này cho thấy phần lớn giảng viên không gặp nhiều trở ngại, dù vẫn còn một số ý kiến cho rằng việc thực hiện phản tư tốn thời

gian hoặc thiếu hướng dẫn cụ thể. Cuối cùng, mức độ sẵn sàng tiếp tục áp dụng Reflective Practice trong tương lai khá cao (Mean = 4.23), cho thấy giảng viên có niềm tin vào hiệu quả và giá trị lâu dài của phương pháp này.

Kết quả khảo sát cho thấy Reflective Practice có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động giảng dạy tiếng Anh. Việc nhiều giảng viên thường xuyên thực hiện phản tư chứng tỏ họ đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tự đánh giá và cải thiện phương pháp giảng dạy. Ngoài ra, việc phương pháp này giúp nâng cao hiệu quả giảng dạy cũng phù hợp với nhiều nghiên cứu trước đây. Thông qua việc xem xét lại bài dạy, giảng viên có thể nhận ra những điểm cần cải thiện và điều chỉnh cách tiếp cận sao cho phù hợp hơn với người học. Tác động đến sinh viên cũng là một điểm đáng chú ý. Khi giảng viên điều chỉnh phương pháp giảng dạy dựa trên phản tư, bài học thường trở nên phù hợp hơn, từ đó góp phần nâng cao sự tham gia và kết quả học tập. Tuy nhiên, hiệu quả này có thể khác nhau giữa các lớp hoặc giữa các giảng viên. Mặc dù vậy, một số khó khăn vẫn tồn tại, chủ yếu liên quan đến thời gian và thiếu hướng dẫn cụ thể. Vì vậy, để

áp dụng Reflective Practice hiệu quả hơn, cần có sự hỗ trợ từ phía nhà trường, chẳng hạn như tổ chức tập huấn hoặc cung cấp tài liệu hướng dẫn. Nhìn chung, việc giảng viên sẵn sàng tiếp tục sử dụng phương pháp này cho thấy Reflective Practice có tính khả thi cao và có thể được áp dụng lâu dài trong thực tế giảng dạy.

#### 4.2. Các hoạt động Reflective Practice tại trường Đại học Mở Hà Nội

Tại Đại học Mở Hà Nội, giáo trình *New Headway* được sử dụng rộng rãi nhờ tính hệ thống cao về ngữ pháp và từ vựng. Tuy nhiên, để biến những trang sách thành những giờ học sinh động và phù hợp với sinh viên (vốn có năng lực đầu vào không đồng đều), giảng viên cần thực hiện phản tư thường xuyên.

##### 4.2.1. Viết nhật ký giảng dạy (Teaching Journals)

Đối với giáo trình *New Headway*, nhật ký không chỉ ghi lại diễn biến mà còn là nơi giảng viên phân tích sự phù hợp của các chủ đề (Topics) trong sách với văn hóa Việt Nam và trải nghiệm thực tế của sinh viên.

**Ví dụ:** Sau bài dạy *Unit 4: Eat, drink, and be merry! (New Headway Pre-Intermediate)*, giảng viên ghi nhật ký: “Phần bài đọc về các món ăn nước ngoài khiến sinh viên khá thụ động vì từ vựng lạ. Tuy nhiên, khi mình yêu cầu các em so sánh với ẩm thực Hà Nội, không khí lớp sôi nổi hẳn. **Phản tư:** Lần sau ở phần ‘Lead-in’, mình sẽ mang ảnh bún chả hoặc cóm Vòng để các em dùng cấu trúc ‘There is/There are’ và ‘Countable/ Uncountable nouns’ trước khi đi vào bài đọc trong sách.”

##### 4.2.2. Quan sát lớp học (Peer Observation)

Việc dự giờ đồng nghiệp dạy cùng giáo trình *New Headway* giúp giảng viên học hỏi cách “khai thác” tư liệu (Exploiting materials). Cùng một bài nghe, nhưng mỗi người sẽ có cách dẫn dắt khác nhau để sinh viên không bị “ngợp”.

**Ví dụ:** Giảng viên A đi dự giờ giảng viên B dạy *Unit 7: Living history*. Giảng viên A nhận thấy đồng nghiệp không dùng đĩa CD đi kèm mà cắt file âm thanh thành từng đoạn ngắn cho sinh viên chơi trò *Dictogloss*. **Phản tư:** “Cách này hiệu quả hơn việc cho nghe cả bài dài như mình vẫn làm. Mình sẽ áp dụng kỹ thuật chia nhỏ file nghe này cho các Unit khó hơn để giảm áp lực cho sinh viên.”

##### 4.2.3. Ghi lại tiết dạy (Video/Audio Recording)

Giáo trình *New Headway* rất chú trọng vào tính chính xác (Accuracy). Khi xem lại bản ghi, giảng viên có thể nhận ra các lỗi về “Teacher Talk” như: giải thích ngữ pháp quá phức tạp (over-explaining) hoặc dùng ngôn ngữ lớp học chưa chuẩn xác.

**Ví dụ:** Xem lại video bài dạy *Unit 2: Work hard, play hard!*, giảng viên nhận thấy mình dành tới 15 phút để giảng về thì Hiện tại đơn, trong khi phần thực hành giao tiếp (Everyday English) chỉ còn 5 phút. **Phản tư:** “Mình đã quá chú trọng vào ngữ pháp mà quên rằng *Headway* thiết kế để cân bằng các kỹ năng. Buổi sau mình phải giảm TTT (Teacher Talk Time) và tăng thời gian cho sinh viên đóng vai (Role-play).”

#### 4.2.4. Lấy ý kiến từ sinh viên (Student Feedback)

Sinh viên Đại học Mở thường rất thực tế. Phản hồi của các em giúp giảng viên biết liệu các bài tập trong *New Headway Workbook* có quá dễ hay quá khó, từ đó điều chỉnh mức độ hỗ trợ.

**Ví dụ:** Cuối học kỳ, giảng viên phát phiếu khảo sát nhanh. Sinh viên phản hồi: “*Em thấy phần ‘Writing’ trong sách hơi khó hiểu*”. **Phản tư:** “*Dù giáo trình cung cấp mẫu (Model text) tốt, nhưng sinh viên cần thêm ‘Writing Frames’ (khung dàn ý). Mình cần soạn thêm các mẫu câu gợi ý (Sentence starters) thay vì để các em tự viết hoàn toàn theo sách.*”

#### 4.2.5. Trao đổi với đồng nghiệp (Professional Dialogue)

Các buổi họp nhóm chuyên môn cho cùng một cấp độ (ví dụ: nhóm dạy *Headway Elementary*) là nơi lý tưởng để phản tư tập thể về những “hố ngăn” giữa giáo trình quốc tế và sinh viên địa phương.

**Ví dụ:** Trong cuộc họp tổ bộ môn, giảng viên chia sẻ khó khăn khi dạy *Unit 10: Our interactive world*. Các đồng nghiệp cùng thảo luận: “*Sinh viên không biết nhiều về các phát minh thế giới trong sách, chúng ta nên bổ sung thêm các ứng dụng như Zalo, Shopee vào bài tập luyện tập*”. Sự trao đổi này giúp làm mới giáo trình.

#### 4.2.6. Sử dụng bảng kiểm (Checklist)

Bảng kiểm giúp giảng viên theo dõi việc thực hiện các mục tiêu đặc thù của *New Headway* (như phần *Spotlight* về ngữ pháp hoặc *Vocabulary*).

**Ví dụ:** Sau tiết dạy, giảng viên đánh dấu vào bảng kiểm:

[x] Sinh viên đã phân biệt được ‘State verbs’ và ‘Action verbs’? (Đạt)

[ ] Có sử dụng đủ các hoạt động ‘Pair-work’ trong sách không? (Chưa - do lớp quá đông, lần sau cần chia nhóm lớn 4 người).

[x] Sử dụng phần mềm iTools (giáo trình điện tử) có mượt mà không? (Đạt).

Thông qua việc áp dụng linh hoạt các hoạt động phản tư với giáo trình *New Headway*, giảng viên tại trường Đại học Mở Hà Nội không chỉ là người “truyền tải sách” mà trở thành người “điều phối kiến thức”, giúp sinh viên tiếp cận ngôn ngữ một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

## V. Kết luận và kiến nghị

Reflective Practice (thực hành phản tư) đang dần trở thành một hướng tiếp cận quan trọng trong giảng dạy tiếng Anh. Thay vì chỉ tập trung truyền đạt kiến thức, giảng viên được khuyến khích nhìn lại quá trình giảng dạy của mình một cách thường xuyên, từ nội dung bài học, cách tổ chức lớp đến phản ứng và mức độ hiểu bài của sinh viên. Những hoạt động như ghi chép sau giờ dạy, dự giờ đồng nghiệp, xem lại video bài giảng hay thu thập ý kiến phản hồi từ sinh viên giúp giảng viên nhận ra rõ hơn điều gì đang làm tốt và điều gì cần điều chỉnh. Nhờ đó, việc giảng dạy không còn mang tính cứng nhắc mà trở nên linh hoạt, gần gũi hơn với nhu cầu thực tế của người học.

Tuy vậy, trên thực tế, việc áp dụng phương pháp này vẫn gặp không ít trở ngại. Nhiều giảng viên bị hạn chế về thời gian, chưa quen với cách phản tư hoặc chưa nhận được sự hỗ trợ cần thiết từ phía nhà trường. Để cải thiện tình hình, trước

hết các trường đại học cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng nhằm giúp giảng viên hiểu và vận dụng tốt phương pháp này. Bên cạnh đó, việc tạo ra môi trường trao đổi chuyên môn cởi mở, nơi giảng viên có thể chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau, cũng rất cần thiết. Ngoài ra, nếu hoạt động phản tư được đưa vào tiêu chí đánh giá giảng dạy, giảng viên sẽ có thêm động lực để thực hiện một cách nghiêm túc. Cuối cùng, việc tận dụng các công cụ công nghệ như quay video bài giảng hay khảo sát trực tuyến cũng sẽ giúp quá trình phản tư trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn.

#### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương. (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*
- Bartlett, L. (1990). *Teacher development through reflective teaching*. In J. C. Richards & D. Nunan (Eds.), *Second language teacher education* (pp. 202-214). Cambridge University Press.
- Dewey, J. (1933). *How we think*. D. C. Heath & Co.
- Schön, D. A. (1983). *The reflective practitioner: How professionals think in action*. Basic Books.
- Trần, K. D. (2018). *Quản trị nguồn nhân lực*. Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Huỳnh, T. M. D. (2018). *Vấn đề chiêm nghiệm của giảng viên trong dạy tiếng Anh*. Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Phát triển Kinh tế, Trường Đại học Tây Đô.
- Nguyễn, V. Đ. (2016). *Nguồn nhân lực du lịch Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Lê, T. L., Nguyễn, T. T. H., Nguyễn, V. H. và Tô, T. H. L. (2020). *Các phương pháp phản tư trong việc tìm hiểu bản sắc giáo viên của sinh viên Việt Nam được thể hiện trong kì thực tập sư phạm*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần, T. T. H. (2019). *Phát triển nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao tại Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Công thương.
- Đặng, X. H. (2018). *Phát triển nguồn nhân lực trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Quản lý nhà nước.
- Nguyễn, T. H. N. (2015). *Chiêm nghiệm - một biện pháp hiệu quả để phát triển chuyên môn cho giảng viên*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ.
- Viện Nghiên cứu Phát triển Du lịch (ITDR) (2019). *Báo cáo tổng kết thực trạng nguồn nhân lực du lịch Việt Nam*. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

# IMPLEMENTING REFLECTIVE PRACTICE IN ENGLISH LANGUAGE TEACHING: A CASE STUDY AT HANOI OPEN UNIVERSITY

Nguyen Thi Nguyet<sup>1</sup>

***Abstract:** English is becoming increasingly important for students, graduates, and professionals, especially as Vietnam moves toward making English a second language in schools under Resolution 71-NQ/TW issued on August 22, 2025. In this context, English teaching is no longer a routine task but requires continuous effort and adjustment from teachers to meet learners' needs more effectively. Among various approaches, Reflective Practice has attracted attention for its practicality and positive impact. This method encourages lecturers to regularly look back on their teaching, evaluate what works and what does not, and make necessary changes. Through reflecting on lessons, teaching strategies, and students' responses, teachers can gradually refine their professional skills and teaching approaches. As a result, students are more likely to benefit from lessons that are better adapted to their abilities and learning styles. The study employed several data collection methods, including Likert-scale questionnaires, classroom observations, video recordings, and reflective journals. The findings indicate that Reflective Practice can be applied effectively, particularly in a context where lecturers have substantial teaching experience, such as at Hanoi Open University.*

***Keywords:** reflective practice, lecturer, student, Likert scale, English*

---

<sup>1</sup> Hanoi College of Tourism, Hanoi, Vietnam